

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2024
V/v: Ly hôn và nuôi con chung
giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, ông Nguyễn Tiến Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 (có mặt).**

Địa chỉ: Thôn C, xã BĐ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: **Anh Từ Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).**

Địa chỉ: Thôn C, xã BĐ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Nguyễn Thị Toán, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã BĐ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/5/2023 và trong các lời khai chị Nguyễn Thị Hồng là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn cùng anh Từ Văn T ngày 22/9/2015. Trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Đài; cưới xong hai vợ chồng sống với nhau tại Thôn C, xã BĐ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2020 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lí do là khi đó hai vợ chồng đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, không ở gần nên tình cảm phai nhạt dần, qua điện thoại thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, đến tháng 02 năm 2022 thì mâu thuẫn

đỉnh điểm, vợ cH cảm thấy không còn tình cảm với nhau nữa. Anh T chặn hết điện thoại của chị không cho chị liên lạc với con

Đến nay chị xác định tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị giữ nguyên yêu cầu ban đầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung Từ Thị Yến Nhi, sinh ngày 20/4/2019; Hiện cháu đang ở với anh T và bà nội.

Nguyên vọng sau ly hôn về con chung: Do mong muốn tránh ảnh hưởng tâm sinh lý của con nên chị đề nghị để anh T tiếp tục nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con chung chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu.

Về T sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Toán. Cụ thể bà Toán yêu cầu chị phải trả cho bà Toán 156.000.000 đồng (một trăm năm sáu triệu đồng) chị không nhất trí và việc bà Toán yêu cầu là không có cơ sở do từ năm 2020 sau khi vợ cH chị đi làm ăn xa thì chị và anh T ban đầu có gửi tiền về cho bà Toán hàng tháng là 4.000.000 đồng, sau đó đến năm 2021 thì vợ cH mâu thuẫn và vợ cH tôi có trực trặc về kinh tế nên chị có gửi tiền về cho bà Toán để nuôi con nhưng số tiền gửi ít hơn tôi không nhớ rõ. Đến tháng 7 năm 2022 anh T cắt đứt mọi liên lạc với chị, anh T và gia đình anh T không cho chị liên lạc với con nên từ đó trở đi chị không gửi được tiền về nữa. Tại phiên tòa chị H đồng ý trả bà Toán số tiền bà chăm sóc cháu Nhi là 30.000.000đ

Bị đơn anh Từ Văn T bày trong bản tự khai: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị H ngày 22/9/2015. Trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Đài; cưới xong hai vợ cH về chung sống với nhau tại Thôn C, xã BD, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; tình cảm vợ cH ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2020 hai vợ cH xảy ra mâu thuẫn, lí do là khi đó hai vợ cH đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, không ở gần nên tình cảm phai nhạt dần, qua điện thoại thường xuyên cãi vã. Hai vợ cH thường xuyên bất đồng quan điểm sống, đến tháng 02 năm 2022 thì mâu thuẫn đỉnh điểm, vợ cH cảm thấy không còn tình cảm với nhau nữa chị H tự ý bỏ đi làm ăn xa không bàn bạc với anh. Từ đó trở đi hai vợ cH không còn liên lạc hỏi han nhau nữa và cũng chấm dứt không còn chung đụng gì với nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Anh xác định hai vợ cH anh ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Việc mâu thuẫn của hai vợ cH anh hai bên gia đình có biết và có khuyên bảo hoà giải nhưng không thành.

Nay xác định tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn xin ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Có 01 con chung Từ Thị Yến Nhi, sinh ngày 20/4/2019; Hiện cháu đang ở với anh và bà nội từ nhỏ.

Nếu ly hôn nguyên vọng sau ly hôn về con chung: Do mong muốn tránh ảnh hưởng tâm sinh lý của con nên anh đề nghị được tiếp tục nuôi con. Về Cấp dưỡng nuôi con chung anh đề nghị chị H cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hiện anh đang làm công nhân môi trường của Công ty NINAMA Thu nhập bình quân hàng tháng 15.000.000 đồng/tháng. Về nơi ăn chốn ở nếu được nuôi cháu thì anh có nhà riêng 01 tầng diện tích 50m² xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh. Từ trước đến nay bà nội vẫn phụ giúp tôi trông cháu và mẹ tôi cũng cam kết nếu sau ly hôn anh được nuôi con thì mẹ anh cũng sẽ tiếp tục phụ giúp em chăm sóc cháu. Từ năm 2020 dù nhờ mẹ anh trông nom cháu nhưng hai vợ chồng anh có gửi tiền về cho mẹ đẻ tôi để nuôi cháu nhưng chỉ được khoảng tầm 3-4 tháng (mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng) tuy nhiên sau đó vợ chồng anh gặp khó khăn về kinh tế và sau đó thì vợ chồng ly thân nhưng bản thân anh vẫn gửi tiền về cho mẹ đẻ chăm sóc cháu nhưng số tiền ít hơn nhưng không nhớ rõ cụ thể.

Về T sản, công nợ, ruộng đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Toán đối với việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả tiền nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh tôn trọng ý kiến của mẹ anh. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Toán trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2023: Anh Từ Văn T là con trai bà. Anh T và chị H kết hôn với nhau ngày 22/9/2015 tại UBND xã Bảo Đài. Trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương; cưới xong hai vợ chồng về chung sống với tôi tại Thôn C, xã BD, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Trong thời gian chung sống cùng bà thì mẹ chồng nàng dâu không có bất kỳ xích mích gì. Năm 2019 hai vợ chồng anh T chị H có đi làm ăn xa, gửi con là cháu Từ Thị Yến Nhi (là con chung của anh T, chị H) cho bà nuôi ở nhà. Trong thời gian này theo cháu T nói lại với bà, chị H có phát sinh tình cảm với người đàn ông khác. Bà có nhiều lần gọi điện khuyên bảo nhưng chị H không nghe. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đến năm 2020 chị H tự ý bỏ nhà theo người đàn ông khác và không còn chung sống cùng anh T nữa. Kể từ đó trở đi thì chị H cũng không gọi điện hay về thăm chồng con. Chị H từ năm 2020 không hề đóng góp hay gửi kinh phí phụ giúp cho bà nuôi cháu Nhi. Kể từ năm 2020 chị H và anh T đã chấm dứt không còn chung đụng gì với nhau về tình cảm cũng như kinh tế, hai vợ chồng cháu T H đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng T H, hai bên gia đình có biết và có khuyên bảo hòa giải nhưng không thành.

Nay nếu vợ chồng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà là mẹ nên không có ý kiến, quyền quyết định ly hôn toàn quyền ở các cháu, bà không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung Từ Thị Yến Nhi, sinh ngày 20/4/2019; Hiện cháu đang ở với anh T và bà từ bé.

Nguyện vọng sau ly hôn về con chung: Do mong muốn tránh ảnh hưởng tâm sinh lý của con nên anh T có nói với bà là anh T mong được tiếp tục nuôi con. Là mẹ đẻ anh T bà cam kết sẽ có trách nhiệm phụ giúp anh T trông cháu.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quan điểm của bà và anh T, sẽ đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ngoài ra bản thân bà đề nghị chị H phải có trách nhiệm chi trả bà số tiền 4 năm qua bà chăm sóc nuôi dưỡng con cho chị H.

Về T sản, công nợ: Theo tôi được biết anh chị H T không có T sản chung gì giá trị và đáng giá cả. Và tôi cũng không có ý kiến gì về phần này.

Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Toán ngày 16/10/2023 bà Toán yêu cầu chị H phải thanh toán cho bà tiền bà đã nuôi cháu Nguyễn Thị Yên Nhi từ năm 2020 cho đến nay. Bao gồm tiền học, tiền ăn và tiền sinh hoạt tổng cộng là 170.035.000đ. Nhưng bà chỉ yêu cầu anh T chị H trả bà số tiền 156.000.000đ. Anh T đã tự nguyện nộp tiền nên bà chỉ yêu cầu mình chị H phải thanh toán trả bà 78.000.000đ.

Tại phiên tòa bà Toán và chị H tự thỏa thuận với nhau về tiền cấp dưỡng và chăm sóc cháu Từ Thị Yên Nhi. Chị H trả cho bà Toán 30.000.000đ làm 3 lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị H, bà Toán chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, anh T chưa chấp hành.. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Từ Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Từ Văn T nuôi con Từ Thị Yên Nhi, sinh ngày 20/4/2019. Buộc chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đ. Kể từ tháng 01/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Toán và chị Nguyễn Thị H. Chị H trả cho bà toán 30.000.000đ làm 3 lần:

Lần 1 vào ngày 10/01/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 2 vào ngày 01/3/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 3 vào ngày 01/5/2024 số tiền 10.000.000đ.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1]. *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các T liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Chị H anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã BD, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Chị H và anh T kết hôn tháng 9 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới, chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung vợ chồng đi làm ăn xa nên tình cảm phai nhạt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, ý kiến của anh T nhất trí ly hôn HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung Từ Thị Yên Nhi, sinh ngày 22/09/2015. Hiện cháu đang ở với anh T và bà nội cháu chăm sóc cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn phía chị H đồng ý để anh T nuôi con. Phía anh T cũng đề nghị được nuôi con. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của các đương sự là chính đáng và phù hợp nên cần giao cho anh T được trực tiếp nuôi con. cấp dưỡng các đương sự tự thỏa thuận chị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị H được quyền thăm nom con chung, anh T không được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[4] *Về T sản, công nợ*: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về yêu cầu đòi tiền chăm sóc nuôi cháu của bà Nguyễn Thị Toán: Trong đơn yêu cầu độc lập bà Toán là mẹ đẻ anh T đòi tiền chị H và anh T tiền chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Từ Thị Yên Nhi từ năm 2020 đến thời điểm hiện tại. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về số tiền và thời hạn trả tiền nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự,

Chị H trả cho bà Toán 30.000.000đ đưa 3 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 10/01/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 2 vào ngày 01/3/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 3 vào ngày 01/5/2024 số tiền 10.000.000đ.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Từ Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Từ Văn T nuôi con Từ Thị Yến Nhi, sinh ngày 20/4/2019. Buộc chị H cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đ. Kể từ tháng 01/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. *Về yêu cầu đòi tiền chăm sóc nuôi dưỡng*: Chấp nhận công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị H trả cho bà Toán 30.000.000đ đưa 3 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 10/01/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 2 vào ngày 01/3/2024 số tiền 10.000.000đ.

Lần 3 vào ngày 01/5/2024 số tiền 10.000.000đ.

Trường hợp chị H vi phạm 01 lần thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì bà Toán có quyền yêu cầu Thi hành án toàn bộ số tiền chưa thanh toán.

Kể từ ngày tiếp theo quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% của số tiền còn phải thi hành án.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 05/6/2023 theo biên lai thu số 0014612. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Đài;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Tại: Phòng nghị án TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ, ông Nguyễn Văn Chấn.

Tiến hành thảo luận vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc: Tranh chấp HNGĐ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bình, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn Uy, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Kiệu Đông, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Dương Văn Uy: Luật sư Vũ Trọng Bình - Công ty TNHH Fanci - Đoàn LS tỉnh Bắc Giang (có mặt)
Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN
ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bình và anh Dương Văn Uy là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Dương Văn Uy nuôi con Dương Văn Quyền, sinh 29/6/2008. Buộc chị Bình cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi có quyết định của Tòa án chị Bình có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Đình chỉ yêu cầu chia T sản của chị Nguyễn Thị Bình. Trả lại 12.700.000đ cho chị Nguyễn Thị Bình.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bình phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 13.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 12/10/2022 theo biên lai thu số 0014068. Trả lại 12.700.000đ cho chị Nguyễn Thị Bình.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được thông báo đặt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thụ – Nguyễn Văn Chấn

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa Trưởng, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Dung, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Văn Hóa Trường và chị Lưu Thị Dung

2. *Về án phí*: Anh Trường phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân
Chung**

Tạ Thị Thu Thủy